

**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC CÔNG NGHIỆP**

Số: 2947 /CN-TCT57

V/v phối hợp triển khai các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược thuộc lĩnh vực công nghiệp

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2026

Kính gửi:

.....

Thực hiện Quyết định số 808/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược và Quyết định số 2159/QĐ-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 808/QĐ-TTg, Cục Công nghiệp được giao chủ trì quản lý nhà nước đối với một số nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược thuộc lĩnh vực công nghiệp giai đoạn 2026-2030.

Để tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và làm chủ công nghệ chiến lược gắn với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và yêu cầu phát triển sản xuất công nghiệp, Cục Công nghiệp đề nghị các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phối hợp thực hiện một số nội dung sau:

1. Rà soát, cung cấp thông tin về các công nghệ, sản phẩm công nghệ chiến lược thuộc danh mục nhiệm vụ tại Phụ lục I kèm theo Công văn này, do đơn vị đã, đang hoặc dự kiến nghiên cứu, phát triển, tiếp nhận, ứng dụng, làm chủ, thử nghiệm hoặc sản xuất; trong đó làm rõ kết quả đạt được, năng lực công nghệ hiện có, khả năng ứng dụng vào sản xuất và định hướng phát triển trong thời gian tới.

2. Đối với các tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược; xác nhận doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược, doanh nghiệp công nghệ chiến lược hoặc sản phẩm công nghệ chiến lược, đề nghị cung cấp thông tin về nhu cầu và đối tượng đề nghị công nhận, xác nhận để Cục Công nghiệp tổng hợp, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện theo quy định¹.

3. Đối với các tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu nghiên cứu, phát triển công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược thuộc phạm vi tại Phụ lục

¹ Việc công nhận, xác nhận thực hiện theo Luật Công nghệ cao, Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ, Thông tư số 40/2026/TT-BKH-CN ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định pháp luật có liên quan.

I, đề nghị xây dựng đề xuất nhiệm vụ, trong đó làm rõ vấn đề thực tiễn cần giải quyết; mục tiêu, nội dung nghiên cứu; công nghệ, sản phẩm dự kiến hình thành; khả năng tiếp nhận, ứng dụng, thương mại hóa kết quả; năng lực tổ chức thực hiện; thời gian, kinh phí và nguồn lực dự kiến². Cục Công nghiệp sẽ tổng hợp, rà soát các đề xuất, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, xem xét việc xây dựng, đề xuất đặt hàng hoặc lựa chọn phương thức tổ chức thực hiện phù hợp theo quy định của pháp luật.

4. Cung cấp thông tin về nhu cầu hợp tác nghiên cứu, phát triển, chuyển giao và làm chủ công nghệ; sử dụng hạ tầng nghiên cứu, thử nghiệm, kiểm định; đào tạo nguồn nhân lực, sản xuất thử nghiệm và thương mại hóa sản phẩm công nghệ chiến lược. Đồng thời, phản ánh những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các điều kiện triển khai; đề xuất giải pháp tháo gỡ hoặc kiến nghị điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược thuộc lĩnh vực công nghiệp (nếu có).

Đề nghị các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tổng hợp thông tin theo mẫu tại Phụ lục II kèm theo Công văn này, gửi về Bộ Công Thương (qua Cục Công nghiệp), đồng thời gửi bản điện tử tới địa chỉ NguyenLD@moit.gov.vn trước ngày 07 tháng 11 năm 2026 để tổng hợp. Thông tin chi tiết đề nghị liên hệ ông Lê Đức Nguyên, số điện thoại: 0936.863.699.

Cục Công nghiệp đề nghị các đơn vị phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr. Trương Thanh Hoài (để b/c);
- TTr. Nguyễn Việt Sơn (để b/c);
- Các đơn vị: KH-CN, NLĐK, ĐL, HC, ATMT, TMĐT, TTTN, XNK (để phối hợp);
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố (để phối hợp);
- Các Phó Cục trưởng;
- Các đơn vị thuộc Cục CN;
- Lưu: VT, TCT57, [NguyenLD](#).

CỤC TRƯỞNG



Trần Việt Hòa

² Đối với nhiệm vụ thuộc Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược, đề nghị lập Phiếu đề xuất theo Biểu mẫu A1-ĐXNV-CNCL ban hành kèm theo Thông tư số 42/2026/TT-BKHCN ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

DANH SÁCH ĐƠN VỊ NHẬN CÔNG VĂN

TT	Tên đơn vị	Nhóm nhiệm vụ liên quan
I	CÁC TẬP ĐOÀN, TỔNG CÔNG TY, DOANH NGHIỆP, HIỆP HỘI	
1	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	1.9.3; 2.3.2; 2.5.1
2	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	1.1.7; 1.5.1-1.5.3; 2.3.2
3	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV)	2.3.2; 2.6.1-2.6.3; 2.8.1-2.8.4
4	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (VINACHEM)	1.9.3; 2.3.2; 2.5.1; 2.8.1-2.8.4; 2.9.1
5	Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VINATEX)	1.9.3; 2.1.3-2.1.5; 2.2.1; 2.3.2; 2.4.3; 2.5.1; 2.9.1
6	Tổng công ty Thép Việt Nam (VNSTEEL)	2.3.2; 2.5.1; 2.6.1-2.6.3; 2.8.1; 2.9.1
7	Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam (VEAM)	2.3.2; 2.4.3; 2.5.1; 2.9.1
8	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (VIMC)	3.4.1-3.4.3
9	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)	1.1.7; 2.1.3-2.1.5; 2.4.3
10	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)	1.1.7; 2.1.3-2.1.5; 2.3.2; 2.4.3
11	Tập đoàn FPT	1.1.7; 2.1.3-2.1.5; 2.3.2; 2.4.3
12	Tập đoàn GELEX	1.5.1-1.5.3
13	Tập đoàn Hòa Phát	2.1.3-2.1.5; 2.2.1; 2.4.3; 2.5.1; 2.6.1-2.6.3; 2.8.1; 2.9.1
14	Tập đoàn Vingroup	2.9.1
15	Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Hải (THACO)	2.1.3-2.1.5; 2.2.1; 2.3.2; 2.4.3; 2.9.1; 3.4.1-3.4.3
16	Tập đoàn Sunhouse	2.3.2
17	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh VinFast	2.1.3-2.1.5; 2.2.1; 2.3.2; 2.4.3; 3.4.1-3.4.3
18	Tổng công ty Cổ phần Phong Phú	1.9.3; 2.1.3-2.1.5; 2.2.1; 2.3.2; 2.4.3
19	Công ty Cổ phần Da Giày Việt Nam	1.9.3; 2.1.3-2.1.5; 2.2.1; 2.3.2; 2.4.3
20	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk)	2.1.3-2.1.5; 2.2.1; 2.3.2; 2.4.3; 2.7.2
21	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sữa TH (TH true MILK)	2.1.3-2.1.5; 2.2.1; 2.3.2; 2.4.3; 2.7.2
22	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (Masan Consumer)	2.1.3-2.1.5; 2.2.1; 2.3.2; 2.4.3; 2.7.2
23	Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials	2.5.1; 2.8.1
24	Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	2.5.1; 2.6.1-2.6.3; 2.8.1
25	Công ty TNHH POSCO Yamato Vina Steel	2.5.1; 2.6.1-2.6.3
26	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	2.5.1; 2.6.1-2.6.3; 2.8.1
27	Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú	1.5.1-1.5.3; 2.4.3
28	Công ty Cổ phần Thiết bị điện Đông Anh (EEMC)	2.4.3
29	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (HEM)	2.4.3
30	Công ty Cổ phần Cơ điện Miền Trung (CPCEMEC)	2.4.3
31	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa (TTC AgriS)	2.7.2

TT	Tên đơn vị	Nhóm nhiệm vụ liên quan
32	Công ty Cổ phần Nafoods Group	2.7.2
33	Tổng công ty Lương thực miền Bắc (Vinafood 1)	2.7.2
34	Tổng công ty Lương thực miền Nam (Vinafood 2)	2.7.2
35	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng (DRC)	2.9.1
36	Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	3.4.1-3.4.3
37	Công ty Cổ phần Gemadept	3.4.1-3.4.3
38	Tổng công ty Cổ phần Bưu chính Viettel (Viettel Post)	3.4.1-3.4.3
39	Công ty Cổ phần Công nghệ Phenikaa-X	3.4.1-3.4.3
40	Công ty Cổ phần Giải pháp Tự động hóa ETEK	3.4.1-3.4.3
41	Tập đoàn Công nghệ CMC	2.1.3-2.1.5; 2.4.3
42	Công ty Cổ phần VinAI	2.1.3-2.1.5; 2.4.3
43	Công ty Cổ phần VNG	2.1.3-2.1.5; 2.4.3
44	Công ty TNHH TMA Solutions	2.1.3-2.1.5; 2.4.3
45	Siemens Việt Nam	1.5.1-1.5.3; 2.3.2; 2.4.3; 2.9.1
46	Schneider Electric Việt Nam	1.5.1-1.5.3; 2.4.3
47	ABB Việt Nam	1.5.1-1.5.3; 2.3.2; 2.4.3
48	Honeywell Việt Nam	2.1.3-2.1.5; 2.4.3
49	Omron Việt Nam	2.3.2; 2.4.3
50	Rockwell Automation Việt Nam	2.3.2; 2.4.3
51	Công ty TNHH NS BlueScope Việt Nam	2.5.1; 2.6.1-2.6.3
52	BASF Việt Nam	1.9.3; 2.5.1
53	Công ty TNHH Nestlé Việt Nam	2.2.1; 2.7.2
54	Cargill Việt Nam	2.7.2
55	Hiệp hội Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam (VASI)	1.1.7; 1.5.1-1.5.3; 1.9.3; 2.1.3-2.1.5; 2.2.1; 2.3.2; 2.4.3; 2.5.1; 2.6.1-2.6.3; 2.9.1
56	Hiệp hội Các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA)	1.5.3; 1.9.3; 2.1.3-2.1.5; 2.3.2; 2.4.3; 2.5.1; 2.6.1
II	CÁC VIỆN NGHIÊN CỨU, TRƯỜNG ĐẠI HỌC	
1	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VAST)	1.1.7; 1.5.1-1.5.3; 1.9.3; 2.3.2; 2.5.1; 2.6.1-2.6.3; 2.8.1-2.8.4
2	Viện Nghiên cứu Cơ khí (NARIME)	1.5.1-1.5.3; 2.3.2; 2.4.3; 2.9.1
3	Viện Khoa học và Công nghệ Mô - Luyện kim (VIMLUKI)	2.5.1; 2.6.1-2.6.3; 2.8.1-2.8.4
4	Viện Nghiên cứu Điện tử, Tin học, Tự động hóa (VIELINA)	1.1.7; 2.1.3-2.1.5; 2.3.2; 2.4.3
5	Viện Công nghiệp Thực phẩm (FIRI)	2.7.2
6	Viện Khoa học Vật liệu - VAST	1.9.3; 2.5.1; 2.6.1-2.6.3
7	Viện Công nghệ thông tin - VAST	2.1.3-2.1.5; 2.2.1; 2.3.2; 2.4.3
8	Viện Năng lượng (EI)	1.1.7; 1.5.1-1.5.3
9	Viện Dầu khí Việt Nam (VPI)	1.9.3; 2.5.1; 2.8.1-2.8.4
10	Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải	2.9.1
11	Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch	2.7.2
12	Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc (VKIST)	1.9.3; 2.3.2; 2.5.1

TT	Tên đơn vị	Nhóm nhiệm vụ liên quan
13	Đại học Bách khoa Hà Nội (HUST)	1.1.7; 1.5.1-1.5.3; 1.9.3; 2.1.3-2.1.5; 2.3.2; 2.4.3; 2.5.1; 2.6.1-2.6.3; 2.8.1-2.8.4; 2.9.1
14	Trường Đại học Bách khoa - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (HCMUT)	1.5.1-1.5.3; 2.3.2; 2.4.3; 2.5.1; 2.6.1-2.6.3; 2.8.1-2.8.4
15	Trường Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU-UET)	1.1.7; 2.1.3-2.1.5; 2.2.1; 2.3.2; 2.4.3
16	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội (HAUI)	1.5.1-1.5.3; 2.3.2; 2.4.3; 2.9.1
17	Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh (HUIT)	2.1.3-2.1.5; 2.2.1; 2.7.2
18	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (UNETI)	2.1.3-2.1.5; 2.3.2; 2.4.3
19	Trường Đại học Điện lực (EPU)	1.1.7; 1.5.1-1.5.3; 2.4.3
20	Trường Đại học Mỏ - Địa chất (HUMG)	2.5.1; 2.6.1-2.6.3; 2.8.1-2.8.4
21	Trường Đại học Giao thông vận tải	2.9.1; 3.4.1-3.4.3
22	Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	2.9.1
23	Trường Đại học Dầu khí Việt Nam (PVU)	1.9.3; 2.3.2; 2.5.1
24	Học viện Nông nghiệp Việt Nam (VNUA)	2.7.2
25	Đại học Cần Thơ	2.7.2
III	SỞ CÔNG THƯƠNG CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ	(để phối hợp)
IV	CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ CÔNG THƯƠNG	
1	Cục Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số	(đầu mối phối hợp chung)
2	Cục Năng lượng - Dầu khí	1.9.3; 2.8.1-2.8.4
3	Cục Điện lực	1.1.7; 1.5.1-1.5.3
4	Cục Hóa chất	1.9.3; 2.5.1; 2.6.1-2.6.3
5	Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp	1.5.1-1.5.3; 2.6.1-2.6.3; 2.8.1-2.8.4
6	Cục Thương mại điện tử	2.1.3-2.1.5; 2.2.1; 2.4.3
7	Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước	2.2.1; 2.7.2; 3.4.1-3.4.3
8	Cục Xuất nhập khẩu	2.2.1; 2.9.1; 3.4.1-3.4.3

PHỤ LỤC I**Danh mục các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược do Cục Công nghiệp được giao chủ trì quản lý nhà nước**

(Kèm theo Công văn số /CN-TCT57 ngày tháng 10 năm 2026
của Cục Công nghiệp)

TT	Mã nhiệm vụ	Nội dung công nghệ, sản phẩm công nghệ chiến lược	Thời gian thực hiện
1	1.1.7	Sản xuất thiết bị đo đếm thông minh, thiết bị giám sát TBA, Thiết kế bộ IoT Gateway.	2027-2030
2	1.5.1	Thiết bị, Máy biến áp 35-500 kV: máy biến áp tự ngẫu, máy biến áp đo lường, máy biến áp đầu cực, máy biến áp tăng áp, máy biến áp giảm áp; biến tần, kháng điện, biến điện đo lường, thiết bị đóng cắt/GIS, recloser/LBS và trạm biến áp.	2026-2030
3	1.5.2	Thiết bị GIS điện áp cao.	2026-2030
4	1.5.3	Động cơ hiệu suất IE4/IE5, động cơ điện từ thông hướng trục, nam châm vĩnh cửu, động cơ cao áp.	2026-2030
5	1.9.3	Các sản phẩm polyme, vật liệu tổng hợp, xơ sợi tổng hợp, da tổng hợp; PU gốc nước, keo dán sinh thái, da tổng hợp xanh.	2027-2030
6	2.1.3	Nền tảng bản sao số nhà máy, dây chuyền sản xuất công nghiệp, chế biến, chế tạo, hóa chất, thép, ô tô, cơ khí, dệt may, da giày, thực phẩm và hàng tiêu dùng.	2026-2030
7	2.1.4	AI dự báo mô phỏng, dự báo bảo trì và tối ưu vận hành nhà máy, dây chuyền sản xuất công nghiệp, chế biến chế tạo, công nghiệp tiêu dùng và thực phẩm.	2026-2030
8	2.1.5	AI camera tại biên cho an toàn, kiểm tra lỗi, đếm/nhận dạng và giám sát.	2026-2030
9	2.2.1	Hệ thống truy xuất nguồn gốc và họ chiếu số sản phẩm cho thép, dệt may, da giày, thực phẩm, hàng tiêu dùng.	2026-2030
10	2.3.2	Robot công nghiệp hai tay; robot hàn, sơn, lắp ráp, bốc xếp, kiểm tra; AMR/AGV và robot kiểm tra/bảo trì; Hệ thống xe tự hành phục vụ trong các nhà máy sản xuất ô tô, nhà máy sản xuất linh kiện điện, điện tử, hóa chất, thép, cơ khí, nhà máy dệt may, da giày, nhà máy sản xuất thực phẩm và hàng tiêu dùng, đóng gói bao bì, thực phẩm, vận chuyển hàng hóa và các nhà máy công nghiệp khác.	2026-2030
11	2.4.3	Thiết bị công nghiệp thông minh, cảm biến, thiết bị đo, bộ điều khiển/PLC, edge gateway, thiết bị thị giác; hệ SCADA, MES, CMMS và giám sát năng lượng.	2027-2030
12	2.5.1	Hợp kim/thép cường độ cao, chống ăn mòn, chịu nhiệt; vật liệu bột và lớp phủ, vật liệu từ và linh kiện từ tính, linh kiện điện tử.	2027-2030

TT	Mã nhiệm vụ	Nội dung công nghệ, sản phẩm công nghệ chiến lược	Thời gian thực hiện
13	2.6.1	Thép ray, thép bánh xe/trục, thép lò xo - ổ lăn - bánh răng; thép tấm/cường độ cao cho công trình biển, bình áp lực và cơ khí.	2026-2030
14	2.6.2	Alumin/hydrat chất lượng cao, nhôm kim loại, hợp kim và sản phẩm nhôm định hình; thu hồi kim loại có ích từ phụ phẩm/bùn đỏ.	2026-2030
15	2.6.3	Các sản phẩm bằng vật liệu gốm ô xit tinh khiết đến 99,9% (SiO ₂ , Al ₂ O ₃ , ZrO ₂) dùng chung.	2026-2030
16	2.7.2	Thiết bị, dây chuyền phân loại, sấy, bảo quản, trích ly, lên men và chế biến sâu nông sản; cảm biến, AI kiểm soát chất lượng.	2026-2030
17	2.8.1	Dây chuyền, thiết bị số hóa cho công nghệ tuyển, luyện kim, công nghệ lò, cán, tinh luyện và luyện kim đồng bộ cho thép chất lượng cao, đồng tinh luyện; titan và khoáng sản chiến lược.	2027-2030
18	2.8.2	Hệ thống tích hợp số hóa tuyển bauxite - chế biến - điện phân nhôm tiên tiến.	2027-2030
19	2.8.3	Nâng chất lượng nhôm, thu hồi kim loại có ích; xử lý/tái sử dụng bùn đỏ và phụ phẩm, giảm phát thải.	2027-2030
20	2.8.4	Thiết bị, công nghệ tuyển quặng tinh; thủy luyện - tách chiết dung môi/trao đổi ion; tinh chế oxit đất hiếm độ tinh khiết cao; xử lý chất thải.	2027-2030
21	2.9.1	Hệ thống truyền động, phanh, thiết bị depot, ray, ghi, phụ kiện; sản xuất toa xe đường sắt.	2026-2030
22	3.4.1	AMR/AGV, robot phân loại - picking - đóng gói - palletizing; robot/xe tự hành trong kho, ICD, cảng biển và bãi container.	2026-2030
23	3.4.2	Tích hợp WMS/TMS, thị giác máy, định vị, lập kế hoạch đội robot, sạc và an toàn người - máy.	2026-2030
24	3.4.3	Hệ thống ứng dụng robot và tự động hóa trong logistics thông minh.	2026-2030

PHỤ LỤC II

Mẫu cung cấp thông tin, đề xuất triển khai các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược thuộc lĩnh vực công nghiệp

(Kèm theo Công văn số /CN-TCT57 ngày tháng 10 năm 2026
của Cục Công nghiệp)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

STT	Nội dung	Thông tin cung cấp
1	Tên tổ chức, doanh nghiệp	
2	Địa chỉ trụ sở chính	
3	Loại hình tổ chức	Doanh nghiệp/Viện nghiên cứu/Cơ sở giáo dục đại học/Tổ chức khác
4	Lĩnh vực hoạt động chính	
5	Họ và tên, chức vụ người đại diện	
6	Họ và tên, chức vụ người liên hệ	
7	Số điện thoại, địa chỉ thư điện tử	

II. NĂNG LỰC VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

STT	Mã nhiệm vụ theo Phụ lục I	Tên công nghệ, sản phẩm công nghệ	Hiện trạng nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, sản xuất	Kết quả đạt được, mức độ làm chủ công nghệ	Khả năng ứng dụng, sản xuất và định hướng phát triển
1					
2					
3					

Hướng dẫn:

- Cột 2: Ghi mã nhiệm vụ tương ứng tại Phụ lục I.
- Cột 3: Ghi tên công nghệ hoặc sản phẩm cụ thể của đơn vị.
- Cột 4: Nêu tình trạng đã/đang nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, ứng dụng, sản xuất hoặc dự kiến triển khai.
- Cột 5: Nêu kết quả chính, trình độ công nghệ, mức độ làm chủ, quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng công nghệ, sản phẩm đã hình thành và tài liệu minh chứng (nếu có).
- Cột 6: Nêu khả năng ứng dụng trong sản xuất, nhu cầu thị trường, khả năng phát triển sản phẩm và kế hoạch trong thời gian tới.

III. NHU CẦU CÔNG NHẬN, XÁC NHẬN THEO QUY ĐỊNH

1. Loại hình có nhu cầu công nhận, xác nhận

Đánh dấu vào nội dung phù hợp:

- ☐ Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược.
- ☐ Doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược.
- ☐ Doanh nghiệp công nghệ chiến lược.
- ☐ Sản phẩm công nghệ chiến lược.
- ☐ Không có nhu cầu.

2. Thông tin về nhu cầu công nhận, xác nhận

STT	Loại hình đề nghị công nhận, xác nhận	Tên tổ chức, doanh nghiệp, sản phẩm đề nghị	Công nghệ, sản phẩm công nghệ chiến lược liên quan	Hiện trạng đáp ứng điều kiện, tiêu chí	Nhu cầu hướng dẫn, hỗ trợ
1					
2					

Ghi chú: Việc cung cấp thông tin tại Mục III nhằm phục vụ công tác tổng hợp, phối hợp hướng dẫn, hỗ trợ. Tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu công nhận, xác nhận thực hiện hồ sơ, trình tự, thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Nghị định số 260/2026/NĐ-CP, Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN và các quy định pháp luật có liên quan.

IV. ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

STT	Nội dung	Thông tin đề xuất
1	Tên nhiệm vụ đề xuất	
2	Mã nhiệm vụ tương ứng theo Phụ lục I	
3	Vấn đề thực tiễn cần giải quyết, tính cấp thiết của nhiệm vụ	
4	Mục tiêu và nội dung nghiên cứu, phát triển chủ yếu	
5	Công nghệ, sản phẩm dự kiến hình thành; yêu cầu và chỉ tiêu kỹ thuật chính	
6	Kết quả đầu ra dự kiến	
7	Khả năng tiếp nhận, ứng dụng, khai thác hoặc thương mại hóa kết quả	
8	Tổ chức, doanh nghiệp đề xuất thực hiện nhiệm vụ	
9	Các tổ chức dự kiến phối hợp thực hiện	
10	Thời gian thực hiện dự kiến	
11	Tổng kinh phí dự kiến	
12	Dự kiến nguồn kinh phí và cơ cấu nguồn vốn	
13	Hình thức tổ chức thực hiện, nhu cầu đặt hàng hoặc hỗ trợ từ Nhà nước (nếu có)	
14	Các thông tin, đề xuất khác	

Ghi chú:

- Đơn vị có thể đề xuất một hoặc nhiều nhiệm vụ. Mỗi nhiệm vụ lập một bảng riêng.
- Khuyến khích các đề xuất có doanh nghiệp tham gia, xác định rõ địa chỉ ứng dụng hoặc tổ chức dự kiến tiếp nhận kết quả; ưu tiên nhiệm vụ có khả năng hình thành sản phẩm, năng lực công nghệ và năng lực sản xuất thực tế.
- Đối với đề xuất nhiệm vụ thuộc Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược, đơn vị nghiên cứu lập Phiếu đề xuất theo Biểu mẫu A1-ĐXNV-CNCL ban hành kèm theo Thông tư số 42/2026/TT-BKHCN.

V. NHU CẦU HỢP TÁC, HỖ TRỢ VÀ KIẾN NGHỊ

STT	Nội dung	Nhu cầu, khó khăn, vướng mắc	Đề xuất, kiến nghị
1	Hợp tác nghiên cứu, phát triển công nghệ giữa doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học		
2	Tiếp nhận, chuyển giao và làm chủ công nghệ		
3	Hạ tầng nghiên cứu, thử nghiệm, kiểm định và đánh giá chất lượng sản phẩm		
4	Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực		
5	Sản xuất thử nghiệm, ứng dụng và thương mại hóa sản phẩm		
6	Cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các điều kiện triển khai		
7	Nhu cầu hỗ trợ về nguồn lực, hợp tác quốc tế và các nội dung khác		

VI. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

Tổ chức, doanh nghiệp cam kết các thông tin cung cấp là trung thực, chính xác; chịu trách nhiệm về nội dung đề xuất và việc tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan./.

....., ngày tháng năm 2026
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ
và đóng dấu)